

Số: /BC-SLĐTBXH

Ninh Bình, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

Tác động của chính sách Trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 76/2021/TT-BTC ngày 15/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Khoản 1, 2 Điều 31 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ;

Để có đủ cơ sở tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo đánh giá tác động chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 và Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ, cụ thể như sau:

I. Khái quát tình hình thực hiện chính sách trong thời gian qua

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách để thúc đẩy công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, tập trung huy động mọi nguồn lực thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Đảng, nhà nước. Đồng thời huy động nguồn lực chăm lo cho các đối tượng yếu thế trong xã hội nhất là trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật, hộ nghèo, hộ cận nghèo... góp phần đảm bảo công tác an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Trong đó một số chính sách định hướng được Quốc Hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương ban hành làm cơ sở cho địa phương định hướng và cụ thể hóa các chính sách cho công tác an sinh xã hội như:

- Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 của Quốc Hội;
- Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc Hội;

- Nghị quyết số 15-NQ-TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020;
- Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;
- Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;
- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

II. Đánh giá việc triển khai thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

1. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện chính sách pháp luật về trợ giúp xã hội

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp các sở, ban, ngành đoàn thể và UBND các cấp thực hiện công tác tuyên truyền nhằm giúp người dân hiểu được các quy định pháp luật về trợ giúp xã hội thông qua nhiều hình thức: đăng thông tin trên Báo Ninh Bình, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; phát trên hệ thống loa truyền thanh của huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn; thông qua các cuộc giao ban, hội nghị.... Ngoài ra, còn in tài liệu tuyên truyền, các văn bản về chế độ, chính sách bảo trợ xã hội, gửi đến cán bộ làm công tác LĐTBXH cấp huyện, cấp xã, cán bộ hội, đoàn thể cấp xã, cộng tác viên... để biết, thực hiện, giám sát thực hiện chính sách.

Ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn về công tác trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 về việc quy định mức trợ cấp cho các đối tượng xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội và Trung tâm Chữa bệnh giáo dục lao động xã hội do tỉnh quản lý nhằm đảm bảo thực hiện chính sách trợ giúp kịp thời, đúng đối tượng.

Thường xuyên tiến hành kiểm tra tình hình triển khai thực hiện chính sách trợ giúp đối với đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng nhằm kịp thời chấn chỉnh những sai sót, hạn chế; tổng hợp đề xuất những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của các địa phương về tổ chức thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội. Kết quả kiểm tra tại các huyện/TP, không có sai sót về đối tượng, điều kiện hưởng; chủ yếu là những sai sót về thiết lập hồ sơ và thời hạn thẩm định, quyết định.

Thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo trợ xã hội; thường xuyên tập huấn cán bộ; kiểm tra, giám sát từ đó nhận thức của các ngành, các cấp và cộng đồng xã hội được nâng lên.

2. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ

a) Trợ giúp xã hội tại cộng đồng và nuôi dưỡng, chăm sóc tại các cơ sở bảo trợ xã hội

Từ tháng 01/2016 đến tháng 6/2021, mức chuẩn trợ cấp, trợ giúp xã hội của tỉnh Ninh Bình là 270.000 đồng theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ cấp, trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Năm 2016 tổng số đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng là 38.930 đối tượng với kinh phí 173 tỷ đồng.

Đến tháng 6/2021, toàn tỉnh có 47.257 đối tượng hưởng trợ cấp/trợ giúp xã hội tại cộng đồng với tổng kinh phí trong 6 tháng trên 18 tỷ đồng/tháng, trong đó: trẻ em, người từ 16-22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng: 205 người; Trẻ em, người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo: 79 người; Người đơn thân nghèo nuôi con: 579; Người cao tuổi: 19.299 người; Người khuyết tật: 21.943 người; Cá nhân, hộ gia đình chăm sóc nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội: 5.152 người.

Hỗ trợ chi phí mai táng cho 1.305 đối tượng, kinh phí thực hiện 7.047 triệu đồng.

Có 34.076 đối tượng bảo trợ xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế với tổng kinh phí thực hiện 6.857 triệu đồng.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 03 cơ sở trợ giúp xã hội để thực hiện chức năng quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng và điều trị tập trung cho các đối tượng bảo trợ xã hội, với 401 đối tượng, tổng kinh phí thực hiện là 6.159 triệu đồng/năm.

b) Chính sách đối với Người cao tuổi

- Năm 2021, toàn tỉnh có 15.256 người cao tuổi tròn 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi (Người cao tuổi tròn 70: 4.308 người; 75 tuổi: 3.990 người; tròn 80 tuổi: 2.197 người; tròn 85 tuổi: 2.021 người; tròn 90 tuổi: 1.494 người; tròn 95 tuổi: 613 người; tròn 100 tuổi: 216 người; trên 100 tuổi: 417 người). Đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người cao tuổi tròn 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 và trên 100 tuổi cho 4.571 cụ với tổng kinh phí trên 5.983 triệu đồng.

- Toàn tỉnh có 27.759 người cao tuổi thuộc diện được hưởng chế độ bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; trong đó, có 1.573 người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng; 17.658 người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp xã hội; 8.460 người cao tuổi khuyết tật.

c) Chính sách đối với Người khuyết tật

Tính đến hết năm 2020, Ninh Bình có 21.943 người khuyết tật đang hưởng trợ cấp cộng đồng; (trong đó có 4.635 đối tượng khuyết tật đặc biệt nặng, 17.308 đối tượng khuyết tật nặng) và có 5.061 người nhận kinh phí chăm sóc người khuyết tật. Trung tâm Phục hồi chức năng tâm thần, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nho Quan đang chăm sóc và nuôi dưỡng gần 340 đối tượng Người khuyết tật đặc biệt nặng (khuyết tật tâm thần), Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội nuôi dưỡng và chăm sóc 30 trẻ em, người khuyết tật đặc biệt nặng.

d) Hỗ trợ đột xuất

Giai đoạn 2016 - 2020, các huyện/TP đã thực hiện hỗ trợ lương thực cho 2.756 hộ (Tương ứng 6.055 khẩu) thiếu đói dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt đầu năm với tổng số 23.927 tấn gạo; Hỗ trợ chi phí mai táng cho 63 người chết, hỗ trợ chi phí điều trị cho 11 người bị thương nặng, hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 64 căn nhà bị thiệt hại do thiên tai, hỏa hoạn... với tổng kinh phí 1.064 triệu đồng.

3. Kết quả thực hiện chính sách trợ giúp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ

Nghị định số 20/2021/NĐ-CP có hiệu lực từ 01/7/2021. Mức chuẩn trợ giúp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP đã tăng 33% so với mức chuẩn cũ (Từ 270.000 đồng lên 360.000 đồng); Nghị định mở rộng thêm 3 nhóm đối tượng gồm: người đơn thân thuộc hộ cận nghèo; người cao tuổi và trẻ em dưới 3 tuổi tại các xã, thôn dân tộc miền núi đặc biệt khó khăn.

Tuy nhiên, theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, kể từ 01/7/2021 tỉnh Ninh Bình không còn xã, thôn vùng dân tộc miền núi đặc biệt khó khăn do vậy nhóm đối tượng là người cao tuổi và trẻ em dưới 3 tuổi tại các xã, thôn dân tộc miền núi đặc biệt khó khăn là không có.

Từ 01/7/2021, tỉnh Ninh Bình đã áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo đúng quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP là 360.000 đồng/tháng. Kinh phí đã chi trả cho 47.257 đối tượng trong tháng 7/2021 là trên 25,2 tỷ đồng (Trong đó: trợ cấp xã hội tại cộng đồng là 24,6 tỷ đồng, trợ cấp nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội là 585 triệu đồng) tăng 6,7 tỷ đồng so với tháng 6/2021.

4. Đánh giá về chính sách

a) Thuận lợi

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và các sở, ban ngành có liên quan phối hợp tốt trong hướng dẫn để các huyện/TP tổ chức thực hiện chính sách trợ giúp xã hội; có sự phân công, phân cấp rõ ràng, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ hơn, cộng đồng trách nhiệm trong ban hành chính sách, hướng dẫn, bố trí nguồn lực, kiểm tra, giám sát và đánh giá, nhất

là ở địa phương, cơ sở, đề tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời các sai sót, lệch lạc và phát sinh mới.

Từ cấp huyện, xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như: hàng năm rà soát, nắm đối tượng cần trợ giúp xã hội trên địa bàn; công tác xác định đối tượng và hướng dẫn xác định đối tượng trợ giúp xã hội dân chủ, công khai, minh bạch hơn, huy động được đại diện nhiều cơ quan, tổ chức, đoàn thể tham gia; đẩy mạnh và đa dạng hóa các hình thức huy động nguồn lực; nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách và chương trình trợ giúp xã hội; tuyên truyền nâng cao nhận thức; giám sát và đánh giá. Một số địa phương tích cực chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa để trợ giúp kịp thời trường hợp cần trợ giúp đột xuất như: người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng.

Nhiều mô hình trợ giúp xã hội thành công trong chăm sóc trẻ em, người khuyết tật, trợ giúp người cao tuổi do các địa phương thực hiện. Các tổ chức đoàn thể, xã hội cũng có nhiều chương trình xã hội nhân đạo, từ thiện trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội như chương trình phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng; chương trình giáo dục chuyên biệt, hoà nhập; chương trình trợ giúp người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng; chương trình hỗ trợ xe lăn, xe lắc, phương tiện trợ giúp di chuyển.

Trợ giúp xã hội đã góp phần quan trọng vào việc ổn định đời sống và hòa nhập cộng đồng cho hầu hết số đối tượng trợ giúp xã hội, đã giúp họ khẳng định vị thế xã hội trong gia đình và cộng đồng, tự tin hơn trong cuộc sống.

b) Khó khăn, vướng mắc

Qua thời gian thực hiện chính sách, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vẫn còn một bộ phận người dân thật sự khó khăn nhưng chưa được hưởng chính sách. Hiện nay trên địa bàn tỉnh ta có 701 trẻ em thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo có cha, mẹ là người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng; 61 trẻ em nhiễm HIV thuộc hộ cận nghèo, Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo không có nguồn thu nhập ổn định; 526 trẻ em dưới 36 tháng tuổi thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo mà chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; 131 trẻ em mồ côi cha, mẹ hoặc cha mẹ đang chấp hành án tù, chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở cai nghiện, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng là những đối tượng có hoàn cảnh thực sự khó khăn, rất cần có sự hỗ trợ để đảm bảo cuộc sống.

Do tình hình giá cả thị trường liên tục tăng, do đó tiền thuốc, tiền mua vật dụng sinh hoạt cho các đối tượng bảo trợ xã hội không còn phù hợp. Điều này đã gây khó khăn không nhỏ cho các đơn vị trong việc thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng. Đây cũng là tình hình chung của các đơn vị bảo trợ xã hội trong cả nước.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Căn cứ đề xuất

- Căn cứ pháp lý: Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, quy định: “*Tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

a) *Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này;*

b) *Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.”*

- Căn cứ thực tiễn: Từ những khó khăn, vướng mắc nêu trên (điểm b mục 4 phần II)

2. Nội dung đề xuất

Căn cứ ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1962/STC-NS ngày 25/8/2021; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 477/STP-VBQLXLVPHC ngày 26/8/2021, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và hỗ trợ một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cụ thể như sau:

a) Về mức chuẩn trợ giúp xã hội

Mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình là 360.000 đồng/tháng bằng với mức chuẩn quy định tại Nghị định 20/2021/NĐ-CP, thời điểm áp dụng từ ngày 01/7/2021.

b) Về mức trợ giúp xã hội

Mức trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

c) Hỗ trợ một số đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình:

c-1) Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo mà chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (Sau đây gọi tắt là Nghị định 20/NĐ-CP) có cha, mẹ là người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng, thuộc một trong các trường hợp sau:

- Cả cha và mẹ là người khuyết tật đặc biệt nặng;
- Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật đặc biệt nặng;

- Cả cha và mẹ là người khuyết tật nặng;
- Có cha hoặc mẹ là người khuyết tật nặng.

c-2) Trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo; Người nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ cận nghèo không có nguồn thu nhập ổn định hàng tháng như: tiền lương, tiền công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng.

c-3) Trẻ em dưới 16 tuổi chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định 20/NĐ-CP thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật tại cộng đồng;
- Cha hoặc mẹ đang chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với người khuyết tật tại cộng đồng.

c-4) Trẻ em dưới 36 tháng tuổi thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Nghị định 20/NĐ-CP.

Đối tượng quy định trên được nhận trợ cấp hàng tháng với mức 200.000 đồng/người/tháng; Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ ở nhiều nhóm khác nhau thì chỉ được hưởng một nhóm; Thời điểm hưởng hỗ trợ từ 01/01/2022, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

d) Quy định mức hỗ trợ tiền ăn ngày Lễ, Tết; mức cấp vật dụng sinh hoạt; tiền thuốc chữa bệnh đối với các đối tượng bảo trợ xã hội đang được quản lý, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội do tỉnh quản lý, như sau:

d-1) Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định 20/NĐ-CP. Hỗ trợ tiền ăn thêm ngày Lễ, tết như sau:

- Ngày nghỉ lễ, Tết Dương lịch mức tiền ăn của đối tượng bằng 3 lần mức tiền ăn ngày thường, gồm 6 ngày: Tết Dương lịch (01 ngày); Ngày Chiến thắng 30/4 (01 ngày); Ngày Quốc tế lao động 01/5 (01 ngày); Ngày Quốc khánh 02/9 (02 ngày); Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương (01 ngày).

- Ngày nghỉ Tết Âm lịch (05 ngày) mức tiền ăn của đối tượng bằng 5 lần mức tiền ăn ngày thường.

Các mức tiền ăn đề xuất cho ngày Lễ, Tết nêu trên, giữ nguyên như đang thực hiện theo QĐ số 277/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

d-2) Mức cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày: 200.000 đồng/người/tháng (Thông tư số 76/2021/TT-BTC quy định: căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng đơn giá dịch vụ trợ giúp xã hội theo Thông tư số

02/2018/TT-BLĐTBXH, Thủ trưởng cơ sở trợ giúp xã hội quyết định số lượng cụ thể các vật dụng cá nhân cần thiết, mức chi theo giá thực tế tại địa phương và phù hợp dự toán được giao hàng năm). *Hiện tại đang thực hiện theo QĐ số 277/QĐ-UBND ngày 03/02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình là 200.000 đồng/người/tháng.*

d-3) Mức cấp tiền thuốc chữa bệnh thông thường đối với Trung tâm Phục hồi chức năng tâm thần, Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nho Quan: 200.000 đồng/người/tháng. (Thông tư số 76/2021/TT-BTC quy định 100.000 đồng đối với tất cả các cơ sở, tuy nhiên thực tế đối tượng là người tâm thần cần được sử dụng thêm thuốc điều trị cắt cơn động kinh và thuốc bổ gan).

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 và Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2020 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- GD Sở và PGĐ Sở phụ trách;
- UBND các huyện/TP
- Lưu: VT, BTXH.

KHOA/BT19

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thị Lựu